

Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Đệ Nhất

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
và báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét

Ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo về kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ	11
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	12 - 40

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, số Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một (1) chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một (1) chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Bùi Văn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Văn Dành	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Trần Thiện Thế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Chang Ya Wen	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Wu Jin Tang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Bà Bùi Thị Hồng Tuyền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Danh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thiện Thế	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012
Ông Nguyễn Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Chung Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
Bà Huỳnh Thị Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2010
	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 1999

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Thiện Thế, chức vụ Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Trần Thiện Thế
Tổng Giám Đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Số tham chiếu: 60859557/17110958

BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") được trình bày từ trang 4 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1



Võ Ngọc Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2105-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		410.707.084.004	446.526.709.183
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	294.641.645.667	292.736.515.856
111	1. Tiền		154.641.645.667	106.736.515.856
112	2. Các khoản tương đương tiền		140.000.000.000	186.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		69.003.933.854	59.993.057.414
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	76.107.210.599	69.766.884.179
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(7.103.276.745)	(9.773.826.765)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	45.480.738.712	92.837.359.455
131	1. Phải thu khách hàng		20.000.000	30.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		360.866.000	360.866.000
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		33.498.390.853	10.575.808.598
138	4. Các khoản phải thu khác	8.1	17.124.872.851	87.467.099.575
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8.2	(5.523.390.992)	(5.596.414.718)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.580.765.771	959.776.458
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.564.265.771	800.771.898
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		16.500.000	159.004.560
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		82.930.513.879	83.918.597.504
220	I. Tài sản cố định		8.727.521.648	9.634.109.833
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	8.567.006.974	8.857.068.779
222	- Nguyên giá		23.763.188.936	23.763.188.936
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.196.181.962)	(14.906.120.157)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	160.514.674	777.041.054
228	- Nguyên giá		7.241.913.031	7.241.913.031
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.081.398.357)	(6.464.871.977)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		67.260.534.600	67.484.534.600
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		15.000.000.000	15.000.000.000
255	- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	15.000.000.000	15.000.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.3	52.260.534.600	52.484.534.600
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.942.457.631	6.799.953.071
263	1. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	6.499.953.071	6.499.953.071
268	2. Tài sản dài hạn khác		442.504.560	300.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		493.637.597.883	530.445.306.687

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	31/12/2013
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		141.424.442.044	197.833.995.837
310	I. Nợ ngắn hạn		139.424.442.044	195.833.995.837
312	1. Phải trả người bán		690.602.000	131.130.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.789.406.426	4.723.582.890
315	3. Phải trả người lao động		493.675.464	468.715.596
320	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	13	129.459.431.332	101.647.166.770
321	5. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		45.816	45.816
322	6. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		207.809.079	206.642.920
323	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.372.866.842	4.416.871.842
328	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	4.410.605.085	84.239.840.003
330	II. Nợ dài hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
339	1. Dự phòng bồi thường thiệt hại nhà đầu tư		2.000.000.000	2.000.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		352.213.155.839	332.611.310.850
410	I. Vốn chủ sở hữu		352.213.155.839	332.611.310.850
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		300.000.000.000	300.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		924.317.200	924.317.200
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		9.149.732.553	9.149.732.553
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		8.851.477.019	8.865.053.214
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		33.287.629.067	13.672.207.883
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		493.637.597.883	530.445.306.687

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2014	31/12/2013
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	-	57.546.000.000
005	2. Ngoại tệ các loại	30.741.930	30.741.930
006	3. Chứng khoán lưu ký	1.043.039.030.000	1.091.307.440.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	3.1. Chứng khoán giao dịch	933.508.860.000	1.003.845.370.000
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	34.433.450.000	31.567.630.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	817.902.920.000	844.221.970.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	81.172.490.000	128.055.770.000
012	3.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	11.443.160.000	11.935.160.000
014	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	11.443.160.000	11.935.160.000
017	3.3. Chứng khoán cầm cố	53.734.170.000	48.644.170.000
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	53.734.170.000	48.644.170.000
027	3.4. Chứng khoán chờ thanh toán	44.325.000.000	23.716.100.000
028	3.4.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	458.200.000	985.000.000
029	3.4.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	38.633.700.000	16.882.100.000
030	3.4.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	5.233.100.000	5.849.000.000
037	3.5. Chứng khoán chờ giao dịch	27.840.000	3.166.640.000
038	3.5.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	540.000	40.000
039	3.5.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	25.290.000	2.971.130.000
040	3.5.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	2.010.000	195.470.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	30/06/2014	31/12/2013
050	4. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	274.277.120.000	124.902.520.000
	<i>Trong đó:</i>		
051	4.1. Chứng khoán giao dịch	264.725.120.000	116.749.520.000
052	4.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	6.930.950.000	7.184.750.000
053	4.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	240.006.840.000	92.169.100.000
054	4.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	17.787.330.000	17.395.670.000
056	4.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	-	70.000.000
058	4.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	70.000.000
061	4.3. Chứng khoán cầm cố	-	5.230.000.000
063	4.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	-	5.230.000.000
066	4.4. Chứng khoán tạm giữ	2.853.000.000	2.853.000.000
068	4.4.1. Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	2.853.000.000	2.853.000.000
071	4.5. Chứng khoán chờ thanh toán	6.699.000.000	-
073	4.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	4.733.000.000	-
074	4.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	1.966.000.000	-

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thể
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B02a-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
01	1. Doanh thu		32.530.483.857	28.459.656.781
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		10.599.902.223	7.741.691.823
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		11.704.410.853	9.222.896.885
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		130.000.000	125.000.000
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		130.517.830	150.935.329
01.9	Doanh thu khác	16	9.965.652.951	11.219.132.744
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		32.530.483.857	28.459.656.781
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(6.552.555.806)	(4.990.165.524)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		25.977.928.051	23.469.491.257
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(2.832.019.311)	(453.209.327)
30	6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.145.908.740	23.016.281.930
31	7. Thu nhập khác		-	800.442.260
32	8. Chi phí khác		-	(484.871.359)
40	9. Lợi nhuận khác		-	315.570.901
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế		23.145.908.740	23.331.852.831
51	11. Thuế TNDN hiện hành	19.1	(3.530.487.556)	(1.421.240.445)
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		19.615.421.184	21.910.612.386
70	13. Lãi trên cổ phiếu	15.2	654	730

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B03a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.145.908.740	23.331.852.831
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
03	- Khấu hao TSCĐ		906.588.185	1.229.347.657
05	- Các khoản hoàn nhập dự phòng		(2.305.974.804)	(6.201.635.130)
	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(12.543.752.454)	(14.795.005.948)
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.202.769.667	3.564.559.410
09	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu		47.188.346.777	(5.442.823.553)
10	- (Tăng)/giảm đầu tư ngắn hạn		(6.340.326.420)	27.159.345.880
11	- (Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(38.576.957.405)	99.043.906.258
12	- Tăng chi phí trả trước		(763.493.873)	(734.805.467)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19.1	(6.363.083.944)	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(13.576.195)	(369.835.914)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.333.678.607	123.220.346.614
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	800.000.000
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		176.960.000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.394.491.204	13.351.490.649
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.571.451.204	14.151.490.649

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B03a-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
36	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20	(15.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.000.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.905.129.811	137.371.837.263
60	Tiền và các khoản tương đương đầu kỳ		285.736.515.856	171.966.419.901
70	Tiền và các khoản tương đương cuối kỳ	4	287.641.645.667	309.338.257.164

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:

Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

B05a-CTCK

VNĐ

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ		Số tăng (giảm)				Số dư cuối kỳ	
	Ngày 1 tháng 1 năm 2013	Ngày 1 tháng 1 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 30 tháng 6 năm 2013	Ngày 30 tháng 6 năm 2014
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	924.317.200	924.317.200	-	-	-	-	924.317.200	924.317.200
3. Quỹ đầu tư phát triển	7.508.106.422	9.149.732.553	-	(3.500.000)	-	-	7.504.606.422	9.149.732.553
4. Quỹ dự phòng tài chính	7.219.927.083	8.865.053.214	-	-	-	(13.576.195)	7.219.927.083	8.851.477.019
5. Lợi nhuận chưa phân phối	15.736.993.241	13.672.207.883	21.910.612.386	-	19.615.421.184	-	37.647.605.627	33.287.629.067
TỔNG CỘNG	331.389.343.946	332.611.310.850	21.910.612.386	(3.500.000)	19.615.421.184	(13.576.195)	353.296.456.332	352.213.155.839

Người kiểm soát:

Người lập:

Người phê duyệt:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, và sổ Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999, và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 08 tháng 4 năm 2000.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 là: 55 người (31 tháng 12 năm 2013: 55 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("đồng" hoặc "VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc công bố và ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc công bố và ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc công bố và ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc công bố và ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc công bố và ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên 6 tháng đến dưới một 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định hữu hình vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình. Các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 năm
Phần mềm tin học	3 - 15 năm

3.6 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.8.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Các chứng khoán đầu tư ngắn hạn được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên khoản mục "Chi phí hoạt động kinh doanh".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.8.2 Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các chứng khoán đầu tư dài hạn với mục đích nắm giữ đến ngày đáo hạn và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán.

Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán phi phái sinh được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có thời gian đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Một loại chứng khoán đầu tư sẽ không được xếp vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong kỳ tài chính hiện hành hoặc trong hai kỳ tài chính gần nhất, được bán hoặc phân loại lại với một số lượng đáng kể các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn trước ngày đáo hạn, trừ khi việc bán và phân loại lại là:

- ▶ Rất gần với thời điểm đáo hạn;
- ▶ Công ty đã thu về phần lớn tiền vốn gốc của loại chứng khoán theo kế hoạch thanh toán hoặc được thanh toán trước hạn; hoặc
- ▶ Do một sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty, sự kiện này mang tính đơn lẻ không lặp lại và không thể dự đoán trước được.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán đầu tư ngắn hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán..

3.8.3 Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

3.9.1 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ tài chính tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 theo hướng dẫn của Thông tư số 100/2004/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004.

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

3.9.1 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết khác thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu 3 công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.9.2 Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư dài hạn khác được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) vào cuối niên độ kế toán. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.11.2 Trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân có loại trừ dự phòng đã trích lập của chứng khoán.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

3.14 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn đầu tư tự doanh.

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Tiền mặt	1.016.788.319	631.841.435
Tiền gửi ngân hàng	153.412.598.269	105.893.581.501
Trong đó:		
- Tiền gửi của công ty	23.953.166.937	4.246.414.731
- Tiền ký quỹ của nhà đầu tư (Thuyết minh số 13)	129.459.431.332	101.647.166.770
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	212.259.079	211.092.920
	154.641.645.667	106.736.515.856
Các khoản tương đương tiền	140.000.000.000	186.000.000.000
Tổng cộng	294.641.645.667	292.736.515.856

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất được hưởng từ 5% - 8%/năm. Theo điều khoản hợp đồng, Công ty có thể rút các khoản tiền gửi trên trước hạn với lãi suất không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương bao gồm các khoản sau:

	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Tiền	154.641.645.667	106.736.515.856
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	133.000.000.000	179.000.000.000
Tổng cộng	287.641.645.667	285.736.515.856

5. GIÁ TRỊ, KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ cổ phiếu</i>	<i>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ VNĐ</i>
Của Công ty		
- Cổ phiếu	7.853.101	135.075.261.400
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	435.565.903	5.220.561.644.400
Tổng cộng	443.419.004	5.355.636.905.800

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VNĐ)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)
			Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4.182.260	76.107.210.599	3.722.734.946	7.103.276.745	72.726.668.800
- Cổ phiếu niêm yết	3.489.165	68.062.962.369	3.722.482.746	4.085.526.315	67.699.918.800
- Cổ phiếu chưa niêm yết	693.095	8.044.248.230	252.200	3.017.750.430	5.026.750.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.410.986	67.260.534.600	-	-	67.260.534.600
- Đầu tư chứng khoán dài hạn	30	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	30	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	4.410.956	52.260.534.600	-	-	52.260.534.600
Tổng cộng	8.593.246	143.367.745.199	3.722.734.946	7.103.276.745	139.987.203.400

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiêu	Số lượng (cổ phiếu)			Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)			So với giá thị trường (VNĐ)			Tổng giá trị theo giá thị trường (VNĐ)		
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
Cổ phiếu niêm yết	3.489.165	3.255.263	68.062.962.369	61.500.376.609	3.722.482.746	3.647.801.706	4.085.526.315	6.098.092.915	67.699.918.800	59.050.085.400		
Công ty Khoáng sản và Xây dựng BD (KSB)	628.001	784.001	16.815.280.900	21.001.888.900	391.946.500	-	-	4.302.667.600	17.207.227.400	16.699.221.300		
Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao cấp M&C (MCC)	708.202	708.102	10.403.492.600	10.402.122.600	-	573.458.400	984.406.000	-	9.419.086.600	10.975.581.000		
Công ty CP Bê tông Becamex	352.003	393.003	7.479.180.700	8.350.332.700	2.376.903.300	2.064.246.800	-	-	9.856.084.000	10.414.579.500		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BID)	374.000	-	6.242.589.000	-	-	-	557.789.000	-	5.684.800.000	-		
Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (DPM)	130.000	66.500	5.167.691.330	2.723.896.830	-	35.853.170	988.691.330	-	4.199.000.000	2.759.750.000		
Công ty CP Xây dựng và Giao thông BD (BCE)	357.007	448.002	3.746.449.525	4.669.346.095	2.123.975	-	-	637.328.095	3.748.573.500	4.032.018.000		
Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí (PET)	172.009	89.000	3.571.851.320	1.768.219.960	-	82.980.040	527.292.020	-	3.044.559.300	1.851.200.000		
Công ty CP Cơ điện lạnh (REE)	83.033	9.033	2.419.188.360	265.343.590	-	2.033.210	235.420.460	-	2.183.767.900	267.376.800		
Công ty CP Cao su Đà Nẵng (DRC)	45.009	65.003	1.897.776.630	2.496.199.330	375.177.870	38.917.670	-	-	2.272.954.500	2.535.117.000		
Công ty CP Thiết bị Y tế Việt Nhật (JVC)	111.100	10.000	1.830.778.000	175.705.080	-	7.294.920	186.498.000	-	1.644.280.000	183.000.000		
NH TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB)	58.001	26.002	1.647.241.240	701.650.140	-	-	127.615.040	4.796.540	1.519.626.200	696.853.600		
Công ty CP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo (ITA)	155.029	33	1.337.099.490	226.740	-	-	96.867.490	8.940	1.240.232.000	217.800		
Công ty CP Đà núi nhỏ (NNC)	31.500	84.000	1.302.699.520	3.204.449.440	492.800.480	827.550.560	-	-	1.795.500.000	4.032.000.000		
Công ty CP Kinh doanh và Phát triển BD (TDC)	105.000	-	1.175.348.280	-	-	-	72.848.280	-	1.102.500.000	-		
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai	37.004	86.034	1.029.896.870	1.805.512.820	-	-	134.400.070	41.815.820	895.496.800	1.763.697.000		
Tổng Công ty CP Ván tài Dầu khí (PVT)	51.008	8	750.536.600	81.600	-	12.000	133.339.800	-	617.196.800	93.600		
Công ty CP Chứng khoán Kim Long (KLS)	56.382	40	622.660.800	499.200	65.199.600	-	-	143.200	687.860.400	356.000		
Tổng Công ty CP Dịch vụ và Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS)	10.040	85	292.841.303	1.528.203	326.697	197.297	-	-	293.168.000	1.725.500		
Công ty CP Tập đoàn Đại dương (OGC)	14.000	-	180.600.000	-	-	-	29.400.000	-	151.200.000	-		
Cổ phiếu niêm yết khác	10.837	486.417	149.759.901	3.933.373.381	18.004.324	15.257.639	30.958.825	1.111.332.720	136.805.400	2.837.298.300		
Cổ phiếu chưa niêm yết	693.095	718.475	8.044.248.230	8.266.507.570	252.200	21.500	3.017.750.430	3.675.733.850	5.026.750.000	4.590.795.220		
Công ty CP Khoáng sản Becamex (BMJ)	334.213	327.813	3.855.479.200	3.802.002.300	-	-	1.014.668.700	1.540.092.600	2.840.810.500	2.261.909.700		
Công ty CP Phát triển Đô thị - Becamex UDJ	266.460	298.500	2.320.372.900	2.599.317.700	-	-	135.400.900	271.017.700	2.184.972.000	2.328.300.000		
Công ty CP Nước giải khát Sài Gòn (TRI)	50.308	50.308	972.722.380	972.722.380	-	-	972.722.380	972.722.380	-	-		
Công ty CP Bông Bạch tuyết (BBT)	41.400	41.400	888.030.160	888.030.160	-	-	888.030.160	888.030.160	-	-		
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	714	454	7.643.590	4.435.030	252.200	21.500	6.928.290	3.871.010	967.500	585.520		
Tổng cộng	4.182.260	3.973.738	76.107.210.599	69.766.884.179	3.722.734.946	3.647.823.206	7.103.276.745	9.773.826.765	72.726.668.800	63.640.880.620		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Đầu tư chứng khoán dài hạn

Chỉ tiêu	Số lượng (trái phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
Chứng khoán nắm giữ tới ngày đáo hạn				
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	30	30	15.000.000.000	15.000.000.000

Trái phiếu có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2013, áp dụng lãi suất thả nổi, lãi trả định kỳ 6 tháng và gốc trả vào ngày đáo hạn, lãi suất hiện tại là 9%/năm.

6.3 Đầu tư dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số lượng (cổ phiếu)		Giá trị theo sổ kế toán (VNĐ)	
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	1.380.000	1.380.000	13.800.000.000	13.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất Động Sản Bình Dương	1.049.857	1.049.857	11.441.814.000	11.441.814.000
Công ty Cổ phần Bột mì Bình An	533.333	533.333	7.920.000.000	7.920.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Vật tư Y tế Bình Dương	367.000	367.000	5.481.420.600	5.481.420.600
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa	213.465	213.465	4.520.000.000	4.520.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Thủy lợi Bình Dương	181.900	181.900	3.273.100.000	3.273.100.000
Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam	200.000	200.000	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Công cộng Bình Dương	300.001	300.001	1.701.660.000	1.701.660.000
Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	100.000	100.000	1.160.000.000	1.160.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Thanh Lễ	85.400	85.400	862.540.000	862.540.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương	-	11.200	-	224.000.000
Tổng cộng	4.410.956	4.422.156	52.260.534.600	52.484.534.600

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Đầu tư ngắn hạn		
- Cổ phiếu niêm yết	4.085.526.315	6.098.092.915
- Cổ phiếu chưa niêm yết	3.017.750.430	3.675.733.850
Tổng cộng	7.103.276.745	9.773.826.765

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu kỳ	9.773.826.765	19.776.050.720
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ (Thuyết minh số 17)	(2.670.550.020)	(3.422.530.760)
Dự phòng giảm giá cuối kỳ	7.103.276.745	16.353.519.960

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

8.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	31/12/2013			Số phát sinh trong kỳ			30/06/2014		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng
1. Phải thu khách hàng									
- Phải thu phí tư vấn	30.000.000	-	-	130.000.000	(140.000.000)	20.000.000	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	360.866.000	-	-	-	-	360.866.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán									
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	10.575.808.598	-	-	702.762.687.057	(679.840.104.802)	33.498.390.853	-	-	-
4. Các khoản phải thu khác	87.467.099.575	-	5.596.414.718	11.379.835.450	(81.722.062.174)	17.124.872.851	-	5.523.390.992	5.523.390.992
- Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán	63.600.103.564	-	-	180.000.000	(57.983.598.942)	5.796.504.622	-	-	-
- Phải thu nhân viên	4.819.558.411	-	4.819.558.411	-	(67.975.000)	4.751.583.411	-	4.751.583.411	4.751.583.411
- Trái tức, lãi tiền gửi ngân hàng	894.513.888	-	-	1.080.815.138	(884.513.888)	1.090.815.138	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	18.152.923.712	-	776.856.307	10.119.020.312	(22.785.974.344)	5.485.969.680	-	771.807.581	771.807.581
Tổng cộng	98.433.774.173	-	5.596.414.718	714.272.522.507	(761.702.166.976)	51.004.129.704	-	5.523.390.992	5.523.390.992

Số dư còn phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 sau khi đã trích lập đầy đủ dự phòng theo quy định (Thuyết minh số 18).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

8.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ</i>
Số dư đầu kỳ	5.596.414.718	5.765.849.504
Hoàn nhập trong kỳ	(73.023.726)	(87.444.208)
Số dư cuối kỳ	<u>5.523.390.992</u>	<u>5.678.405.296</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VNĐ	Thiết bị, dụng cụ quân lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu kỳ	12.133.175.000	8.053.955.214	2.880.200.925	695.857.797	23.763.188.936
Số dư cuối kỳ	12.133.175.000	8.053.955.214	2.880.200.925	695.857.797	23.763.188.936
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu kỳ	3.558.184.695	8.009.148.375	2.642.929.290	695.857.797	14.906.120.157
Khấu hao tăng trong kỳ	242.603.502	22.482.343	24.975.960	-	290.061.805
Số dư cuối kỳ	3.800.788.197	8.031.630.718	2.667.905.250	695.857.797	15.196.181.962
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	8.574.990.305	44.806.839	237.271.635	-	8.857.068.779
Tại ngày cuối kỳ	8.332.386.803	22.324.496	212.295.675	-	8.567.006.974

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 17.541 triệu đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Phần mềm tin học
VNĐ

Nguyên giá

Số dư đầu kỳ	7.241.913.031
Số dư cuối kỳ	7.241.913.031

Hao mòn lũy kế

Số dư đầu kỳ	6.464.871.977
Hao mòn trong kỳ	616.526.380
Số dư cuối kỳ	7.081.398.357

Giá trị còn lại

Tại ngày đầu kỳ	777.041.054
Tại ngày cuối kỳ	160.514.674

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các trung tâm giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Biến động tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	5.727.989.593	5.727.989.593
Lãi nhận được	651.963.478	651.963.478
	6.499.953.071	6.499.953.071

Trong kỳ lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi Quỹ hỗ trợ thanh toán lớn hơn khoản đóng góp 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGDCK được thanh toán qua ngân hàng thương mại của năm liền trước nên Công ty không thực hiện nộp thêm trong kỳ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

12. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Số dư đầu kỳ VNĐ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ VNĐ
		Số phải nộp VNĐ	Số đã nộp VNĐ	
Thuế TNDN (Thuyết minh số 19.1)	4.161.424.328	3.530.487.556	(6.363.083.944)	1.328.827.940
Thuế TNCN của nhà đầu tư	496.800.169	2.525.204.244	(2.678.535.500)	343.468.913
Thuế TNCN của nhân viên	6.758.904	198.812.327	(186.075.557)	19.495.674
Thuế giá trị gia tăng	58.599.489	364.257.428	(325.243.018)	97.613.899
	4.723.582.890	6.618.761.555	(9.552.938.019)	1.789.406.426

13. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh số 4)	129.459.431.332	101.647.166.770

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VNĐ	31/12/2013 VNĐ
Phải trả hộ cổ tức	3.938.973.945	1.074.844.397
Kinh phí công đoàn	171.230.528	254.131.641
Các hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	67.546.000.000
Phải trả cổ tức	-	15.000.000.000
Phải trả phải nộp khác	300.400.612	364.863.965
Tổng cộng	4.410.605.085	84.239.840.003

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

15.2 Lãi trên cổ phiếu

Lãi trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi trên cổ phiếu.

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	19.615.421.184	21.910.612.386
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	30.000.000	30.000.000
Lãi trên cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	654	730

16. DOANH THU KHÁC

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.492.554.421	8.010.225.052
Doanh thu từ hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.156.251.168	2.572.001.502
Doanh thu khác	1.316.847.362	636.906.190
Tổng cộng	9.965.652.951	11.219.132.744

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ
Chi phí nhân viên	2.074.905.666	2.548.417.567
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	2.155.730.600	154.235.190
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.591.682.284	1.234.029.302
Chi phí bằng tiền	1.579.858.328	1.761.297.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	633.064.133	940.330.283
Chi phí hoạt động lưu ký	418.844.850	376.038.711
Chi phí khác	769.019.965	1.398.347.360
	9.223.105.826	8.412.696.284
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 7)	(2.670.550.020)	(3.422.530.760)
Tổng cộng	6.552.555.806	4.990.165.524

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ
Chi phí nhân viên quản lý	1.212.167.935	1.581.038.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	298.561.185	292.172.402
Chi phí khấu hao tài sản cố định	273.524.052	289.017.374
Chi phí khác	610.167.197	982.641.103
	2.394.420.369	3.144.869.489
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng khác (Thuyết minh số 8.1)	437.598.942	(2.691.660.162)
Tổng cộng	2.832.019.311	453.209.327

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 22% lợi nhuận tính thuế trong kỳ (thuế suất kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 25%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

19.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được ước tính như sau:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ
Lợi nhuận thuần trước thuế	23.145.908.740	23.331.852.831
Trừ:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(7.098.238.033)	(6.469.652.255)
- Thu nhập không chịu thuế khác	-	(8.408.786.489)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cân trừ lỗ các kỳ trước	16.047.670.707	8.453.414.087
Lỗ từ các kỳ trước chuyển sang	-	(2.896.170.674)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	16.047.670.707	5.557.243.413
Thuế TNDN ước tính	3.530.487.556	1.389.310.853
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu của các kỳ trước	-	31.929.592
Tổng chi phí thuế TNDN	3.530.487.556	1.421.240.445
Thuế TNDN phải nộp/(nộp thừa) đầu kỳ	4.161.424.328	(1.937.042.871)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(6.363.083.944)	-
Thuế TNDN phải nộp/(nộp thừa) cuối kỳ	1.328.827.940	(515.802.426)

19.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 do không có khoản mục chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính giữa niên độ.

20. CỔ TỨC

VNĐ

	Số dư đầu kỳ	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
Cổ tức phải trả cho cổ đông	15.000.000.000	-	(15.000.000.000)	-

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện chi trả phần cổ tức còn lại của năm 2013 cho các cổ đông hiện hữu theo Quyết định số 01/2014/HĐQT ngày 6 tháng 1 năm 2014. Tổng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2013 là 10% vốn đầu tư của chủ sở hữu, trong đó năm 2013 đã chi trả 15 tỷ đồng theo Quyết định số 01/2013/HĐQT ngày 24 tháng 9 năm 2013.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

21. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Giá trị</i>
Các công ty con của tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Bán chứng khoán	2.900.537.000
	Mua chứng khoán	2.734.834.000
	Cổ tức nhận được	1.633.671.500
	Phí tư vấn	100.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 VNĐ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 VNĐ</i>
Lương và thưởng	1.384.905.738	821.096.913

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VNĐ Phải trả</i>
Các công ty con của tổ chức kinh tế có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cổ tức trả hộ	934.957.945

22. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang ký kết hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng chi nhánh Hà Nội tại số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội và hợp đồng thuê hoạt động của văn phòng trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>30/06/2014 VNĐ</i>	<i>31/12/2013 VNĐ</i>
Đến 1 năm	1.174.773.408	1.174.773.408
Trên 1 đến 5 năm	3.474.865.709	4.699.093.632
Tổng cộng	4.649.639.117	5.873.867.040

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản phải thu và phải trả, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn, và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng có lãi suất cố định.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể do phần lớn các tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng VNĐ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 67.699.918.800 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 59.050.085.400 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng do khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ tài trợ giao dịch chứng khoán) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo giữa niên độ trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính giữa niên độ là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Số cuối kỳ	Bất cứ thời điểm nào VNĐ	Đến 3 tháng VNĐ	Từ 3 - 12 tháng VNĐ	Từ 1 - 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Phải trả người bán	690.602.000	-	-	-	690.602.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	129.459.431.332	-	-	-	129.459.431.332
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	-	-	-	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	207.809.079	-	-	-	207.809.079
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.410.605.085	-	-	-	4.410.605.085
	134.768.493.312	-	-	-	134.768.493.312
Số đầu kỳ					
Phải trả người bán	131.130.000	-	-	-	131.130.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	101.647.166.770	-	-	-	101.647.166.770
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	-	-	-	45.816
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	206.642.920	-	-	-	206.642.920
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.693.840.003	67.546.000.000	-	-	84.239.840.003
	118.678.825.509	67.546.000.000	-	-	186.224.825.509

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không cầm cố, thế chấp dưới dạng hình thức nào cho các khoản nợ vào ngày lập báo cáo giữa niên độ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập thuyết minh này. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các chính sách kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, tiền gửi tại ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một trong các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ✓ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▪ Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản phải trả hộ cổ tức, các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn.
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như tình hình thị trường và khả năng trả nợ vay của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Giá trị hợp lý của các trái phiếu niêm yết được xác định dựa trên giá công bố tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của công cụ chưa được niêm yết và các nợ phải trả tài chính khác được ước tính bằng cách tham khảo các nguồn thông tin uy tín và đáng tin cậy trên thị trường.
- ▶ Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được xác định dựa trên giá công bố, nếu có, trên các thị trường có giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		VNĐ
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư được xếp vào tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
- Cổ phiếu niêm yết	68.062.962.369	61.500.376.609	67.699.918.800	59.050.085.400	
- Cổ phiếu chưa niêm yết	8.044.248.230	8.266.507.570	5.026.750.000	4.590.795.220	
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán					
- Chứng khoán chưa niêm yết	52.260.534.600	52.484.534.600	(*)	(*)	
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	(*)	(*)	
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	33.498.390.853	10.575.808.598	33.498.390.853	10.575.808.598	
Các khoản phải thu khác	11.601.481.859	81.870.684.857	(*)	(*)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	294.641.645.667	292.736.515.856	294.641.645.667	292.736.515.856	
Tổng cộng	483.109.263.578	522.434.428.090			
Nợ phải trả tài chính					
Phải trả người bán	690.602.000	131.130.000	(*)	(*)	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	129.459.431.332	101.647.166.770	(*)	(*)	
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	45.816	45.816	45.816	45.816	
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	207.809.079	206.642.920	207.809.079	206.642.920	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.410.605.085	84.239.840.003	(*)	(*)	
Tổng cộng	134.768.493.312	186.224.825.509			

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này không thể xác định do các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

25. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập:

Người kiểm soát:

Người phê duyệt:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thể
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2014